SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Lai châu; 29/12/2023 16:37:39

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1741 /QĐ-UBND	*Thành phố Lai Châu, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17 phường Quyết Thắng (Hạng mục bãi đổ thải)

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tuyến đường và mặt bằng đô thị nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng (Hạng mục bãi đổ thải);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1014/TTr-TNMT ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình **ông: Ú Văn Hữu** - Cư trú tại bản Séo Làn Than, phường Quyết Thắng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 1.030.476.579 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ, không trăm ba mươi triệu, bốn trăm bẩy mươi sáu nghìn, năm trăm bẩy mươi chín đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Quyết Thắng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Ú Văn Hữu có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Quyết Thắng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Chủ tịch, PCT UBND thành phố (Đ/c Xiêng);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Xiêng

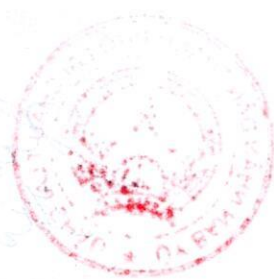

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG VÀ MẶT BẰNG ĐÔ THỊ ĐƯỜNG NỐI TỪ TRỤ SỞ UBND PHƯỜNG ĐOÀN KẾT MỚI ĐẾN GIAO ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG QUYẾT THẮNG *(HẠNG MỤC BÃI ĐỔ THẢI)*
(Kèm theo Quyết định số: 1741 /QĐ-UBND ngày 29 / 12 /2023 của UBND thành phố Lai Châu

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4*5*	
	Hộ gia đình: Ú VĂN HỮU					
	Địa chỉ thường trú: Bản Séo Làn Than - phường Quyết Thắng - thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				**1.030.476.579**	10972500
a	**Về đất**				**200.321.870**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	5.734,7			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng lúa nước một vụ	m^2	2.659,3	38.900	**103.446.770**	
2,2	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	m^2	3.075,4	31.500	**96.875.100**	
	Vị trí: Vị trí 1					
	Nguồn gốc: Hộ gia đình ông Ú Văn Hữu được đo đạc, quy chủ 14 thửa đất (các thửa số 148, 149, 151, 152, 153, 158, 160, 162, 163, 229,156, 164, 171, 240 - tờ bản đồ số 15) với tổng diện tích thu hồi là 5734,7 m2, (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). + Phần diện tích thu hồi chồng lấn một phần thửa đất số 87, TBĐ số 15 quy loại đất NHK do UBND phường quản lý. Thực tế hộ gia đình ông Ú A Hữu đang sử dụng, phần diện tích này hộ gia đình chưa thu hồi, bồi thường tại dự án xây dựng công trình đường thị xã Lai Châu – Sìn Hồ năm 2010. Toàn bộ diện tích trên do hộ gia đình ông Ú A Hữu đang sử dụng, có nguồn gốc nhận tặng cho QSD đất của bà Vùi Thị Léo năm 2000, đất bà Léo khai hoang từ năm 1985. Mục đích sử dụng đất: Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác và trồng lúa nước một vụ. Gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.					
b	**Tài sản, vật kiến trúc** (Toàn bộ tài sản, vật kiến trúc gia đình ông Ú Văn Hữu tự làm năm 2000, đúng mục đích sử dụng đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp. Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được phê duyệt của dự án, không bị xử phạt vi phạm hành chính.)				**79.347.516**	
1	Kè đá xếp khan (1.7*0.6*50)+(0.4*0.4*94)	m^3	66,04	173.900	11.484.356	
2	Hàng rào dây thép gai cột tre, gỗ	md	180	18.400	3.312.000	
3	Tấm đan BTCT (1.2*2.9*0.1)	m^3	0,348	1.707.800	594.314	(bắc qua suối)
4	Kè đá xếp khan (0.5*0.9*1.8)*2	m^3	1,62	173.900	281.718	(dưới tấm đan bắc qua suối)
5	Cọc BTCT	Cọc	42	159.300	6.690.600	
6	Khối lượng đổ đất bằng máy (600m^2 x cao 6m)	m^3	3600	13.500	48.600.000	
7	Khối lượng đào đất bằng máy (120 m^2 x cao 1m)	m^3	120	13.500	1.620.000	
8	Khối lượng đào đất thủ công (50*1.0*0.4)+(33*0.4*0.2)	m^3	22,64	101.100	2.288.904	Cấp nước cho ruộng
9	Ống nhựa PVC fi 110 dày 1,9mm	m	68	65.818	4.475.624	
c	**Về cây cối hoa mầu**				**35.954.813**	
1	Cây mắc ca bán kính tán R 1-2m	cây	23	505.041	11.615.943	
2	10 Cây xoan đường kính D 30cm, cao h 15m	m^3	5,30	2.200.000	11.657.250	
3	5 Cây xoan đường kính từ D 20cm, cao 10m	m^3	0,785	1.375.000	1.079.375	
4	Cây xoan trồng 4 đến dưới 5 năm tuổi	cây	10	43.911	439.110	
5	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 2	cây	26	89.999	2.339.974	
6	Cây chuối chưa buồng cao trên 1,2m	cây	200	24.393	4.878.600	
7	Cây chuối chưa buồng cao dưới 1,2m	cây	65	21.313	1.385.345	
8	Cỏ voi	m^2	150	4.800	720.000	
9	Cây ổi phát tán bán kính R 1-2m	cây	3	413.072	1.239.216	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
10	Cây sa nhân đã cho thu hoạch	m^2	20	30.000	600.000	
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**714.852.380**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 4.0 lần giá đất trồng lúa nước 1 vụ)	m^2	2659,3	155.600	413.787.080	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m^2	3075,4	94.500	290.625.300	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống tại Điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở) (4 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 6 tháng)	Kg	720,0	14.500	10.440.000	